TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 21/4/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh T có mặt, chị H có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh T do quen biết vợ chồng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 04/8/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2012. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2013 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Về

con chung: sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2012, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất với chị H về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý vì anh chị đã có thời gian dài ly thân nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Về con chung: anh đồng ý để 02 con cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có. Theo anh nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, anh thường xuyên bị bệnh nên không chăm lo được cho vợ con, anh thừa nhận thỉnh thoảng anh có cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị H và anh T được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2012, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: không có

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021 của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Ngày 09/7/2021 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có nhận được đơn xin vắng mặt của chị Trần Thị H đề ngày 05/7/2021, đơn đã được UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp xác nhận do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải đối với chị H và

anh T theo quy định của pháp luật. Đồng thời chị H cũng xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị H là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 12 năm 2013 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của anh chị là có thật, anh chị có thời gian ly thân nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ và anh T cũng đồng ý ly hôn nên Tòa áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn T là đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2012. Chị H và anh T đều thống nhất sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và cháu N, cháu P cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Tòa ghi nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trần Thị H có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: chị Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung

tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2012, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trần Thị H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001621 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Vĩnh Thới;
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Diễm